

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST  
Ngày: 19 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh và ông Phan Trọng Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2023/HSST ngày 13 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Tuấn V** (tên gọi khác là **Gia H, K**), sinh năm 1995 tại **huyện C - An Giang**, nơi cư trú: **tổ A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T** và bà **Phan Thị Hồng N**; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/9/2023, đến ngày 14/9/2023 chuyển tạm giam cho đến nay.

Bị hại: Bà **Tạ Thị Diễm T1**, sinh năm 2000; nơi cư trú: **tổ B, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang**, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà **Trần Thúy D**, sinh năm 1979 và ông **Đỗ Bá P**, sinh năm 1964, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Nguyễn Tuấn V** và **Lê Ngọc N1** (Hồ, là người đồng tính). Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 08/9/2023, **V** và **N1** hẹn gặp nhau, cả hai đến thuê phòng số 01 tại nhà trọ “*Bá Phúc*” thuộc **tổ G, khóm C, phường V, thành phố C** để nghỉ qua đêm. Do cần tiền tiêu xài, chữa bệnh cho mẹ, **V** nảy sinh ý định lấy trộm tài sản ở các phòng trọ bên cạnh.

Khoảng 02 giờ ngày 09/9/2023, **N1** ngủ, **V** một mình đi xung quanh nhà trọ, phát hiện phòng số 05 do **Tạ Thị Diễm T1** thuê chỉ khép hờ cửa, không khóa, trên ghế gỗ trong phòng có 01 túi xách, bên trong có 01 điện thoại di động của **T1** đang ghim sạc. Thấy **T1** đã ngủ, **V** lén rút dây sạc, lấy điện thoại cất giấu trong quần lót đang mặc, quay trở lại phòng đã thuê. Phát hiện mất trộm, **T1** gặp **Trần Thúy D** (quản lý nhà trọ) để xem camera. Sợ bị phát hiện, **V** mang điện thoại cất giấu ở tủ kính bên ngoài phòng **V** rồi kêu **D** mở cửa một mình tẩu thoát. Thùy và **D** xem lại camera, phát hiện **V** là người lấy trộm, trình báo Cơ quan Công an; **V** đầu thú, giao nộp điện thoại. Riêng **N1**, không biết việc **V** lấy trộm, không tham gia cùng **V**.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 7Z 5G, **Ram H**, bộ nhớ 128Gb, có gắn ốp lưng bằng nhựa màu hồng có in hình con thú màu hồng;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12S;
- 01 (một) bộ quần áo kiểu nữ gồm quần dài màu đen, áo màu đen, tay ngắn màu xanh, kiểu cổ tròn, đã qua sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 726/KL-ĐG ngày 09/9/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố C**, ghi nhận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 7Z 5G, **Ram H**, bộ nhớ 128Gb, trị giá 3.500.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa màu hồng có in hình con thú màu hồng, trị giá 15.000 đồng. Tổng cộng **3.515.000 đồng**.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an thành phố C** ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với **Nguyễn Tuấn V** về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Cáo trạng số 151/CT-VKSCĐ-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo **Nguyễn Tuấn V** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự 2015).

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Tuấn V** khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Bị hại **Tạ Thị Diễm T1** và những người làm chứng **Trần Thúy D**, **Đỗ Bá P** vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra có lời khai phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu (bút lục 109 - 120).

Đại diện Viện Kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo **V**. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng



nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn V** từ **09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù**; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu huỷ 01 bộ quần áo kiểu nữ gồm 01 (một) cái quần dài màu đen, đã qua sử dụng và 01 (một) cái áo màu đen, tay ngắn màu xanh, kiểu cổ tròn, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên; trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại và những người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Tuấn V** khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ thực hiện và hậu quả do hành vi gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 02 giờ ngày 09/9/2023, tại phòng số 05 nhà trọ “*Bá Phúc*” thuộc **tổ G, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang**, bị cáo **Nguyễn Tuấn V** đã có hành vi lén lút, lấy trộm 01 điện thoại di động kèm 01 ốp lưng điện thoại của

**Tạ Thị Diễm T1**, tổng giá trị được xác định 3.515.000 đồng, chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện, **V** đầu thú, giao nộp điện thoại.

Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản; bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là xâm phạm quyền sở hữu nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng đêm tối và sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Nguyễn Tuấn V** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít nghiêm trọng).

Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa tiền sự, tiền án; học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bị hại **Tạ Thị Diễm T1** 01 (một) điện thoại di động, hiệu Oppo Reno 7Z 5G, **Ram H**, bộ nhớ 128Gb, có gắn ốp lưng bằng nhựa màu hồng có in hình con thú màu hồng; giao trả cho bị cáo **Nguyễn Tuấn V** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y12S là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.



- Đối với 01 (một) quần dài màu đen và 01 (một) áo màu đen, tay ngắn màu xám, kiểu cổ tròn (đã qua sử dụng); không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại **Tạ Thị Diễm T1** đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tuấn V (G, K)** phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn V (G, K) 09 (chín) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 09/9/2023 (ngày chín, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba).

*2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bộ quần áo kiểu nữ gồm:

- 01 (một) cái quần dài màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cái áo màu đen, tay ngắn màu xám, cổ áo tròn, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra **Công an thành phố C** với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

*3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo **Nguyễn Tuấn V** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo **Nguyễn Tuấn V** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND thành phố (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Ngọc Phượng**